TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Xuân và bà Đinh Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX - ST ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Tr**, sinh năm 1994; có mặt.

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ hiện nay: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1990; vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ hiện nay: Đang chấp hành án phạt tù tại Đội 28, Phân trại số I, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an; xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ kết hôn ngày 18/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Mô, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng không sống chung một nhà mà chị ở nhà bố mẹ đẻ của chị ở xóm Tân Lập xã Lỗ Sơn, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, còn anh Đ sống tại nhà anh xóm Đừng, xã Gia Mô, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chị chỉ sống tại nhà anh Đà khoảng 01 tháng khi sinh con gái. Vợ chồng sống với nhau không nhiều thời gian vì mỗi người đi làm một nơi, thỉnh thoảng mới gặp nhau ở chỗ khu trọ nơi làm việc hoặc ở nhà

khi có việc. Anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con. Sau khi kết hôn được 03 năm thì chị phát hiện ra anh Đ có sử dụng ma túy. Chị đã khuyên anh Đ về việc cai nghiện ma túy nhưng không được. Do đó, vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Đến tháng 7/2021, anh Đ bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử phạt 11 năm tù. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 28, Phân trại số I, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an; xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vợ chồng tình cảm không còn, khó có thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Thị Gia L, sinh ngày 14/8/2012. Hiện nay, con chung đang ở với chị tại xóm Tân Lập, xã Lỗ Sơn, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và học tại trường tiểu học và trung học cơ sở Lỗ Sơn, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị chưa yêu cầu anh Bùi Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, bị đơn anh Bùi Văn Đà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Tr kết hôn ngày 18/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Mô, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xử phạt 11 năm tù. Hiện nay, anh đang chấp hành án phạt tù tại Đội 28, Phân trại số I, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an; xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị Bùi Thị Tr đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Bùi Thị Gia L, sinh ngày 14/8/2012. Hiện nay, con chung đang ở với chị Bùi Thị Tr. Anh nhất trí chị Tr là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Do đang phải chấp hành án phạt tù nên anh có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Trinh. Xử cho chị Bùi Thị Tr ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Gia L, sinh ngày 14/8/2012. Chị Bùi Thị Tr chưa yêu cầu anh Bùi Văn Đà việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Bùi Thị Tr và anh Bùi Văn Đ kết hôn ngày 18/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Mô, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Anh chị có con chung là Bùi Thị Gia L, sinh ngày 14/8/2012.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Bùi Thị Tr nộp tại Tòa án: Trích lục kết hôn giữa chị Bùi Thị Trinh và anh Bùi Văn Đ, đăng ký ngày 18/9/2012 (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Tr (bản sao); đơn xin xác nhận ngày 23/11/2022 (bản chính); giấy khai sinh của con Bùi Thị Gia L (bản sao); sổ hộ khẩu, tên chủ hộ Bùi Thị Khạnh (Bản sao); sổ gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký (Bản sao) và căn cước công dân mang tên Bùi Thị Tr (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn Đ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã G, huyện T, Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Hiện nay, anh Bùi Văn Đ đang chấp hành án phạt tù tại Đội 28, Phân trại số I, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an; xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh

Sơn La. Toà án đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2023/QĐ-UTTA ngày 04/01/2023 cho Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tiến hành lấy lời khai của anh Bùi Văn Đ. Anh Bùi Văn Đ đã có lời khai và có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Tr và anh Bùi Văn Đ kết hôn ngày 18/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Mô, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau thời gian ngắn. Chị Tr khai năm 2015 chị phát hiện anh Đ sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, anh Đ thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2021 anh bị Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La xử phạt 11 năm tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặc dù thời điểm phát sinh mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Đ khai không trùng nhau nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ có sử dụng ma túy, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau và anh Đ nhất trí ly hôn. Xét thấy, hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì chỉ làm khổ nhau. Do vậy, có căn cứ xử cho chị Bùi Thị Tr được ly hôn anh Bùi Văn Đ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Bùi Thị Gia L, sinh ngày 14/8/2012. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Trinh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về trông nom, chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Con chung ở với chị Tr từ bé và đang học tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lỗ Sơn, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hiện nay, anh Đà đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp để trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và đồng ý để chị Trinh trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Đề nghị của chị Tr và ý kiến của anh Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu Bùi Thị Gia L muốn được ở với mẹ, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Do vậy, cần giao con chung cho chị Bùi Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị Bùi Thị Tr chưa yêu cầu anh Bùi Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị Trinh. Xử cho chị Bùi Thị Tr ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Gia L, sinh ngày 14/8/2012. Chị Bùi Thị Tr chưa yêu cầu anh Bùi Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Tr đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003044 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo theo luật định.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Hữu Doanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Mô (Nơi đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 18/9/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.